



## Vai trò của thực vật tại Khu Di tích lịch sử Tân Trào và đề xuất các giải pháp bảo vệ đa dạng thực vật

Đỗ Công Ba<sup>a\*</sup>, Chu Thị Mỹ Nga<sup>a</sup>

<sup>a</sup>Trường Đại học Tân Trào

\*Email: congbacdsp@gmail.com

### Thông tin bài viết

Ngày nhận bài:

23/8/2018

Ngày duyệt đăng:

10/6/2019

Từ khóa:

đa dạng; giải pháp; khu di tích lịch sử; tỉnh Tuyên Quang.

### Tóm tắt

Bài báo trình bày kết quả nghiên cứu bước đầu về vai trò của thực vật tại Khu Di tích lịch sử Tân Trào đó là: vai trò của thực vật trong việc bảo vệ cảnh quan; vai trò của thực vật đối với sinh kế của người dân; vai trò của thực vật đối với phát triển du lịch. Bài báo cũng đưa ra cơ sở khoa học cho việc đề xuất các giải pháp bảo vệ đa dạng thực vật và đưa ra 8 giải pháp bảo vệ đa dạng thực vật bao gồm: giải pháp về chính sách, tổ chức quản lý; giải pháp về kinh tế, xã hội; giải pháp về khoa học công nghệ; giải pháp lâm sinh xúc tiến tái sinh tự nhiên, khoanh nuôi phục hồi rừng; giải pháp khai thác, sử dụng hợp lý tài nguyên thực vật; giải pháp bảo tồn đa dạng thực vật; giải pháp về phát triển nguồn nhân lực và phát triển cộng đồng; giải pháp liên kết vùng và hợp tác quốc tế.

### 1. Mở đầu

Rừng có vai trò rất quan trọng đối với cuộc sống của con người cũng như môi trường: cung cấp nguồn gỗ, củi, tạo ra khí oxy, điều hòa nước, là nơi cư trú động thực vật và tàng trữ các nguồn gen quý hiếm, bảo vệ và ngăn chặn gió bão, chống xói mòn đất, đảm bảo cho sự sống, bảo vệ sức khỏe của con người. Bài báo trình bày vai trò của thực vật tại Khu Di tích lịch sử Tân Trào và đề xuất các giải pháp bảo vệ đa dạng thực vật làm cơ sở cho công tác bảo tồn và phát triển bền vững ở địa phương.

### 2. Nội dung và phương pháp nghiên cứu

#### 2.1. Nội dung và thời gian nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu là vai trò của thực vật tại Khu Di tích lịch sử Tân Trào, tỉnh Tuyên Quang và đề xuất các giải pháp bảo vệ đa dạng thực vật. Thời gian nghiên cứu từ tháng 6 năm 2016 đến tháng 3 năm 2018.

#### 2.2. Phương pháp nghiên cứu

##### 2.2.1. Phương pháp kế thừa

Kế thừa số liệu của các tài liệu khác có liên quan đến khu vực nghiên cứu, bổ sung, cập nhật và hoàn thiện những số liệu thống kê đã có [1], [2].

##### 2.2.2. Phương pháp điều tra ngoài thực địa

Chúng tôi sử dụng theo phương pháp của Hoàng Chung (2008) [5] và Nguyễn Nghĩa Thìn (2008) [11].

##### 2.2.3. Phương pháp trong phòng thí nghiệm

Xác định tên khoa học theo phương pháp so sánh hình thái, chỉnh lý tên khoa học theo Phạm Hoàng Hộ (1993) [7], Danh lục các loài thực vật VN (2003, 2005) [10].

##### 2.2.4. Phương pháp đánh giá nhanh nông thôn có sự tham gia của người dân (PRA)

Phương pháp điều tra phỏng vấn: Chúng tôi đã tiến hành xây dựng bộ phiếu phỏng vấn và tiến hành điều tra 100 hộ dân ở 11 xã của 2 huyện Sơn Dương và Yên Sơn. Mỗi xã tiến hành điều tra phỏng vấn một nhóm từ 8 đến 10 người dân đại diện cho các hộ gia đình có hoạt động kinh doanh, sản xuất liên quan đến rừng.

### 3. Kết quả và thảo luận

#### 3.1. Vai trò của thực vật tại Khu Di tích lịch sử Tân Trào

Khu Di tích lịch sử Tân Trào, tỉnh Tuyên Quang là nơi sinh sống của nhiều loài động thực vật khác nhau, trong khu vực nghiên cứu đã thống kê được 726 loài, 462 chi, 137 họ, thuộc 6 ngành thực vật bậc cao có mạch [2].

### 3.1.1. Vai trò của thực vật trong việc bảo vệ cảnh quan và các di tích lịch sử

Trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp, Chiến khu Việt Bắc gồm hệ thống các căn cứ hoạt động của các Bộ, Ban, Ngành của Trung Ương đóng phân bố rải rác trên 4 tỉnh Cao Bằng (Pắc Bó), Bắc Kạn (Chợ Đồn), Thái Nguyên (Đình Hóa), Tuyên Quang (Chiêm Hóa, Sơn Dương, Yên Sơn). Trong đó Khu Di tích lịch sử Tân Trào (nằm trên địa bàn các xã Tân Trào, Minh Thanh, Trung Yên, Bình Yên, Lương Thiện (huyện Sơn Dương); Kim Quan, Trung Sơn, Hùng Lợi, Trung Minh, Đạo Viện, Công Đa (huyện Yên Sơn), được coi là “Thủ đô khu giải phóng - Trung tâm Thủ đô kháng chiến”. Nơi đây có địa hình rừng núi hiểm trở, rừng rậm rạp với nhiều tầng tán có thể che chở bảo vệ tốt cho quân và dân ta trong kháng chiến chống Pháp. Đây cũng là nơi trung ương Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh ở, làm việc thời kỳ tiền khởi nghĩa, chỉ đạo nhân dân cả nước tiến hành Tổng khởi nghĩa giành chính quyền. Với những giá trị lớn về lịch sử, văn hóa và khoa học, ngày 10 tháng 5 năm 2012 Khu Di tích lịch sử Tân Trào đã được Thủ tướng Chính phủ công nhận là khu di tích quốc gia đặc biệt, với 138 điểm di tích [12].

Sau hơn 70 năm cuộc cách mạng tháng 8 năm 1945 thành công nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời, 138 điểm di tích trong Khu Di tích lịch sử Tân Trào vẫn đang được tôn tạo, bảo vệ lâu dài. Các thảm thực vật trong khu vực ngoài vai trò bảo vệ nguồn nước, bảo vệ đất, chống xói mòn, lũ lụt, hạn hán, điều hòa khí hậu, bảo vệ môi trường, bảo vệ sức khỏe con người thì nó còn có vai trò quan trọng trong việc tạo cảnh quan môi trường cũng như bảo vệ các di tích lịch sử. Hiện nay, trong khu di tích thảm thực vật rừng có vai trò đặc biệt quan trọng tạo nên cảnh quan của khu di tích lịch sử. Thảm thực vật rừng tự nhiên bao gồm các loại rừng như: (1) rừng kín thường xanh mưa mùa nhiệt đới ở địa hình thấp và núi thấp; (2) rừng kín thường xanh mưa mùa nhiệt đới núi thấp trên đá vôi; (3) rừng thưa thường xanh mưa mùa nhiệt đới ở địa hình thấp và núi thấp; (4) thảm cây bụi nhiệt đới chủ yếu thường xanh cây lá rộng ở địa hình thấp và núi thấp trên đất địa đới; (5) trảng cỏ. Trong đó, rừng kín thường xanh mưa mùa nhiệt đới ở địa hình thấp và núi thấp chiếm tỷ lệ lớn (60%). Đặc biệt, có những loại thảm rừng thuần loài mang nét đặc trưng của vùng trung du như rừng Cọ (*Livistona cochinchinensis*) mọc tự nhiên tạo thành tầng trên cùng với chiều cao 12-15m, độ che phủ 60%. Rừng Cọ phân bố phổ biến ở các xã Tân Trào, Trung Yên, Kim Quan, Trung Minh, Đạo Viện. Hoặc rừng thuần loài Nứa (*Neohouzeana dulloa*) hình thành sau khai thác kiệt

hoặc do đốt rừng làm nương rẫy, phân bố ở độ cao dưới 400m. Rừng Nứa có diện tích khá lớn, tạo thành tầng tán rừng với ưu thế là Nứa có chiều cao 6-8m, đường kính trung bình 3-5cm, độ che phủ 80-90%, gặp nhiều ở các xã Hùng Lợi, Trung Minh, Kim Quan, Trung Yên, Tân Trào...[1].

Về hệ thực vật, với thành phần loài cây phong phú 726 loài, 462 chi, 137 họ, thuộc 6 ngành thực vật bậc cao có mạch thực, đa dạng về thân cây: thân gỗ (gỗ cao, gỗ vừa, gỗ nhỏ), thân bụi, thân thảo, thân leo (hoặc bò); sắc hoa 4 mùa tỏa ngát hương thơm, phục vụ nhu cầu thăm quan, nghỉ ngơi, du lịch của người dân. Hiện nay, việc bảo vệ và phát triển rừng trong khu di tích lịch sử Tân Trào được các cấp chính quyền địa phương và nhân dân quan tâm bảo vệ.

### 3.1.2. Vai trò của thực vật đối với sinh kế của người dân

Ngoài vai trò quan trọng trong việc bảo vệ nguồn nước, bảo vệ đất, chống xói mòn, lũ lụt, hạn hán, điều hòa khí hậu, bảo vệ môi trường; thực vật còn có vai trò cung cấp nguồn nguyên liệu, dược liệu, thực phẩm... phục vụ cuộc sống của con người. Tại khu vực nghiên cứu chúng tôi đã điều tra được 726 loài thực vật bậc cao có mạch, với nhiều giá trị sử dụng khác nhau như: nhóm cây cho gỗ, nhóm làm thuốc chữa bệnh, nhóm cây ăn được (gồm cây cho quả và rau), nhóm làm cảnh, nhóm cho tinh dầu, nhóm cây làm thức ăn cho gia súc, nhóm cây làm đồ thủ công mỹ nghệ, nhóm cây lấy sợi... Nguồn tài nguyên này người dân khai thác trong khu di tích với mục đích sử dụng trong đời sống hàng ngày hoặc mục đích thương mại để nâng cao thu nhập. Kết quả điều tra cụ thể được trình bày trong Bảng 1.

Bảng 1: Giá trị sử dụng của các loài thực vật tại khu di tích lịch sử Tân Trào

TT	Giá trị sử dụng	Ký hiệu	Số loài	Tỷ lệ (%)
1	Cây lấy gỗ	G	188	17.47
2	Cây làm cảnh	Ca	99	9.20
3	Cây dược liệu	T	470	43.68
4	Cây ăn quả	A	142	13.20
5	Cây làm thức ăn gia súc	Ags	64	5.95
6	Cây cho tinh dầu	Td	50	4.65
7	Cây làm đồ thủ công mỹ nghệ	Dtc	11	1.02
8	Cây làm sợi	Soi	28	2.60
9	Cây cho nhựa	Nh	3	0.28

10	Cây làm vật liệu xây dựng	Xây	13	1.21
12	Chưa xác định giá trị		8	0.74
<b>Tổng</b>			<b>1076</b>	<b>100</b>

\* Lưu ý: Tỷ lệ (%) các loài lớn hơn 100% tổng số loài trong danh lục do có những loài có nhiều công dụng khác nhau.

- **Nhóm cây làm thuốc (T):** Tại khu vực nghiên cứu đã xác định được 470 loài cây có giá trị làm thuốc (chiếm 43,68% tổng số loài thực vật đã ghi nhận được) gồm: Tắc kè đá (*Drynaria bonii*), Cốt toái bồ (*Drynaria fortunei*), Rau sắng (*Melientha suavis*), Lá khô (*Ardisia silvestris*), Trâm hương (*Aquilaria crassna*), Bẫy lá một hoa (*Paris polyphylla*), Cù dôm (*Stephania dielsiana*), Bách bộ (*Stenoma saxorum*), Mướp rừng (*Parabaena sagitta*), Ngây trắng (*Rubus cochinchinensis*), Búng báng (*Arenga pinnata*), Mua leo (*Medinilla assamica*), Lai (*Aleurites molluccana*), Rau muối (*Chenopodium ficifolium*)...

- **Nhóm cây lấy gỗ (G):** Tập trung chủ yếu ở ngành Ngọc lan (Magnoliophyta), với số loài khá cao, gồm 188 loài (chiếm 17,47% tổng số loài) là: Gội nếp (*Aglaiia spertabilis*), Trai lý (*Garcinia fragraeoides*), Trám đen (*Canarium tramdendum*), Trám trắng (*Canarium album*), Chò đen (*Parashorea stellata*), Tấu (*Vatica odorata*), Đinh (*Markhamia stipulata*), Vạng (*Endosperma chinense*), Chò đãi (*Annamocarya sinensis*), Gù hương (*Cinnamomum balansae*), Xoan ta (*Melia azedarach*), Lát hoa (*Chukrasia tabularis*), Máu chó lá lớn (*Knema perei*), Mạ sưa bắc bộ (*Helicia tonkinensis*), Dẻ gai (*Castanopsis indica*)...

- **Nhóm cây ăn được (A):** Bao gồm các loài cây ăn quả, củ, hạt, các loại măng rừng, rau rừng, với 142 loài (chiếm 13,20% tổng số loài): Cọ (*Livistona cochinchinensis*), Dâu da xoan (*Allospodias lakonensis*), Trám trắng (*Canarium album*), Trám đen (*Canarium tramdendum*). Các loài măng rừng như: Nứa (*Neohouzeana dullosa*), Giang (*Ampelocalamus patellais*), Vầu (*Bambusa nutans*)... Các loài rau rừng như: Rau dớn (*Callipteris esculenta*), Rau dệu (*Alternanthera sessilis*), Rau sắng (*Melianta suavis*)...

- **Nhóm cây làm cảnh (Ca):** Đã thống kê được 99 loài (chiếm 9,2%), gồm: Đuôi chồn (*Adiantum caudatum*), Sơn tuế (*Cycas balansae*), Đinh lăng trở (*Polyscias guilffoylei*), Sưa (*Alstonia scholaris*), Sanh (*Ficus benjamina*), Kim tán (*Calanthe angusta*), Tre bưng phật (*Bambusa vulgaris*), Trúc vuông (*Chimonobambusa quadrangulais*)...

- **Nhóm cây làm thức ăn gia súc (Ags):** Có 64 loài (chiếm 5,95%) gồm: Cỏ lá tre (*Centosteca lappacea*),

Cỏ màn trâu (*Eleusine indica*), Rau má (*Centella asiatica*), Dền gai (*Amaranthus spinosus*), Đậu ba lá (*Uraria lagopodiodes*), Vú bò (*Ficus hirta*), Đậu đại (*Dunbaria podocarpa*), Cỏ gừng (*Panicum repens*)...

- **Nhóm cây tinh dầu (Td):** Nhóm này có 50 loài (chiếm 4,65%) như: Hoa giẻ (*Desmos cochinchinensis*), Ké đầu ngựa (*Xanthiuminae quilaterum*), Màng tang (*Litsea cubeba*), Bò hòn (*Sapindus saponaria*), Hồng bì (*Clausena lansium*), Sau sau (*Liquidambar formosana*), Thông đuôi ngựa (*Pinus massoniana*), Sến mật (*Madhuca pasquieri*)...

- **Nhóm cây làm vật liệu xây dựng (Xay):** Nhóm này chiếm 1,21%, với 13 loài gồm: Vầu (*Bambusa nutans*), Mai (*Dendrocalamus giganteus*), Nứa (*Neohouzeana dullosa*), Cọ (*Livistona cochinchinensis*), Song (*Calamus rudentum*), Tre (*Bambusa blumeana*), Hóp nhỏ (*Bambusa tuldoides*)...

- **Nhóm cây lấy sợi (Soi):** Có 28 loài (chiếm 2,6%) gồm: Bông gòn (*Ceiba pentandra*), Sứ (*Celtis sinensis*), Bò ké (*Kydia calycina*), Lá dong đại (*Phrynium thorelli*), Dò (*Rhamnoneuron balansae*), Bật thực (*Abroma angusta*), Đậu ma (*Pueraria phaseoloides*), Thôi ba (*Alangium chinensis*), Bải nhọn (*Sida acuta*), Cò ke (*Microcos paniculata*)...

- **Nhóm cây làm đồ thủ công mỹ nghệ (Dtc):** Có 9 loài chiếm 1,69% tổng số loài như: Trúc cần câu (*Phyllostachis bambusoides*), Hóp (*Bambusa multiplex*), Hóp gai (*Bambusa agrestis*), Song mật (*Calamus platyacanthus*), Song (*C. rudentum*), Chít (*Thysanolaena maxima*), Móc (*Caryota urens*), Mây bắc bộ (*Calamus tonkinensis*), Mây nếp (*C. tetradactylus*).

Hiện nay, việc khai thác nguồn tài nguyên rừng ở đây tuy đã giảm nhiều so với trước đây, do sự quản lý chặt chẽ của chính quyền địa phương. Tuy nhiên những hoạt động khai thác vẫn diễn ra hàng ngày của một số lớn người dân địa phương, vì đó là sinh kế góp phần xóa đói giảm nghèo. Vì vậy, chính quyền địa phương cần có những giải pháp hữu hiệu để ngăn chặn tình trạng khai thác tài nguyên rừng cạn kiệt như hiện nay, góp phần bảo vệ và phát triển đa dạng sinh học nói chung và rừng nói riêng.

3.1.3. Vai trò của thực vật đối với phát triển du lịch sinh thái

Việt Nam được đánh giá là đất nước giàu tiềm năng cho phát triển du lịch sinh thái. Nhiều vườn quốc gia, khu bảo tồn đã được khai thác phục vụ phát triển du lịch. Du lịch sinh thái là một dịch vụ của rừng cần sử dụng một cách bền vững. Tại Khu Di tích lịch sử Tân Trào nhiều dự án phát triển du lịch sinh thái được hình

thành gắn liền với các khu rừng có cảnh quan đặc biệt. Ngày 22 tháng 12 năm 2017 Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển khu du lịch quốc gia Tân Trào tỉnh Tuyên Quang đến năm 2030, mục tiêu đến năm 2025 Khu Di tích lịch sử Tân Trào cơ bản đáp ứng các tiêu chí của khu du lịch quốc gia, phấn đấu đến năm 2030 Khu Di tích lịch sử Tân Trào trở thành khu du lịch quốc gia với hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật đồng bộ, sản phẩm du lịch chất lượng cao, có thương hiệu, sức cạnh tranh và trở thành một trong những trung tâm du lịch văn hóa, lịch sử cách mạng hàng đầu của vùng Trung du miền núi Bắc Bộ và cả nước. Hiện tại Khu Di tích lịch sử Tân Trào đang tiến hành triển khai tổ chức tuyến du lịch nội vùng, liên huyện và nội tỉnh, liên tỉnh.

- Tuyến du lịch nội vùng:

+ Tuyến du lịch đường bộ: Tuyến Thôn Bòng - Lập Bình - Tân Trào - Minh Thanh - Trung Yên - Kim Quan - Nà Ho; tuyến Thôn Bòng - Trung Sơn - Kim Quan - Trung Yên - Minh Thanh - Tân Trào;

+ Tuyến du lịch thuyền theo sông Phó Đáy, từ Tân Trào đến Kim Quan.

+ Tuyến đi bộ, thể thao, leo núi: Tổ chức trong không gian rừng đặc dụng Tân Trào, trong đó chú trọng phát triển tuyến lên đỉnh núi Hồng, đèo De.

- Tuyến du lịch liên huyện và nội tỉnh:

+ Tuyến Tân Trào - Đền Hạ - Đền Thượng - Đền Ý Lan và Đền thờ Bác Hồ (thành phố Tuyên Quang) - Mỹ Lâm (huyện Yên Sơn);

+ Tuyến Tân Trào - Khu di tích Kim Bình - Đền Bách Thần - Đền Đầm Hồng - Thác Bản Ba - Chùa Bảo Ninh Sùng Phúc (huyện Chiêm Hóa);

+ Tuyến Tân Trào - thủy điện Tuyên Quang - Đền Pác Tạ - Thác Mơ - hồ Nà Hang (huyện Nà Hang);

+ Tuyến Tân Trào - danh thắng Thượng Lâm - Động Song Long - Thác Nậm Me (huyện Lâm Bình);

+ Tuyến Tân Trào - Đền Bắc Mực - Đền Thác Cái - Động Tiên;

+ Tuyến Tân Trào - rừng đặc dụng Trại Chu và vườn cam Hàm Yên (huyện Hàm Yên).

- Tuyến du lịch liên tỉnh:

+ Tuyến Tân Trào - Định Hóa - các điểm du lịch tỉnh Thái Nguyên;

+ Tuyến Tân Trào - ATK chợ Đồn - Pác Bó - các điểm du lịch các tỉnh Việt Bắc;

+ Tuyến Tân Trào - các khu, điểm du lịch quốc gia trên toàn vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ;

+ Tuyến Tân Trào - Hà Nội - các khu, điểm du lịch vùng Đồng bằng sông Hồng và duyên hải Đông Bắc.

- Tuyến du lịch quốc tế:

Kết nối Khu Di tích lịch sử Tân Trào và các điểm du lịch trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang với Thủ đô Hà Nội và quốc tế (qua cảng hàng không quốc tế Nội Bài): với Hà Giang đi Châu Văn Sơn, Trung Quốc (qua cửa khẩu đường bộ Thanh Thủy); với Lào Cai đi Côn Minh, Trung Quốc (qua cửa khẩu đường bộ Lào Cai); với Lạng Sơn đi Bằng Tường, Trung Quốc (qua cửa khẩu đường bộ Hữu Nghị); với Hải Phòng, Quảng Ninh đi Quảng Châu, Nam Ninh, Trung Quốc (qua cửa khẩu đường bộ Móng Cái).

Du lịch sinh thái không chỉ góp phần đưa lại hiệu quả cho ngành kinh tế du lịch mà còn có ý nghĩa tác động tích cực trong công tác bảo vệ môi trường, mang lại lợi ích về kinh tế cho cộng đồng dân cư địa phương và đóng góp nỗ lực cho bảo tồn tài nguyên du lịch của đất nước [13].

### 3.2. Đề xuất các giải pháp bảo vệ đa dạng thực vật tại khu di tích lịch sử Tân Trào

#### 3.2.1. Cơ sở khoa học cho việc đề xuất các giải pháp bảo vệ đa dạng thực vật

Khu Di tích lịch sử Tân Trào là khu di tích cấp Quốc gia đặc biệt được Chính Phủ công nhận là “địa chỉ Đỏ Khu Di tích lịch sử Tân Trào có đa dạng sinh học cao với rất nhiều loài động, thực vật quý hiếm, nhiều loài cây thuốc quý, là nơi phục hồi, lưu giữ các nguồn gen phục vụ cho công tác nghiên cứu khoa học, học tập; giữ vai trò quan trọng trong việc bảo vệ đất đai, điều tiết nguồn nước phục vụ sản xuất nông nghiệp và phát triển kinh tế - xã hội, cũng như có tiềm năng lớn về các loại hình du lịch.

##### 3.2.1.1. Du lịch văn hoá lịch sử

Các di tích lịch sử, cách mạng ở Tuyên Quang rất phong phú. Tiêu biểu nhất là Khu Di tích lịch sử Tân Trào, thủ đô của khu giải phóng với "mái đình Hồng Thái, cây đa Tân Trào". Đây là nơi gắn liền với hoạt động của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Trung ương Đảng, Chính phủ, Quốc hội, Mặt trận, các bộ, ban, ngành, ghi dấu những sự kiện trọng đại của đất nước trong thời kỳ chuẩn bị Tổng khởi nghĩa giành chính quyền tháng Tám năm 1945 và trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược. Với trên 138 điểm di tích và cụm di tích lịch sử được xếp hạng di tích quốc gia đặc biệt như: Lán Nà Nua, Đình Tân Trào, Cây Đa Tân Trào, Đình Hồng Thái, Nha Công An, Hầm Bác Tôn. Ngoài ra, các địa danh như Bình Ca không chỉ thơ mộng với " *Nắng chói sông Lô hò ơ tiếng hát, Chuyền phà dào dạt bến nước Bình Ca* " mà còn là nơi ghi lại dấu tích của nhiều thời kỳ lịch sử. Các địa danh Đấng Châu - Châu Tự Do, đèo Chấn, khe Lau, cây số 7... mãi mãi là những

dấu son trong lịch sử dân tộc. Bảng 2 thống kê lượng khách tham quan du lịch trong năm năm trở lại đây.

*Bảng 2: Số lượng khách tham quan du lịch Khu di tích lịch sử Tân Trào*

Số lượng	2014	2015	2016	2017	Đến 6/2018
Khách trong nước	650.000	710.000	700.000	710.000	400.000
Khách quốc tế	200	300	400	300	150
<b>Tổng số</b>	850.000	1.010.000	1.100.000	1.010.000	550.000

(Nguồn: Ban quản lý khu di tích lịch sử Tân Trào)

Ngoài các di tích, Tuyên Quang còn có nhiều lễ hội có khả năng thu hút du khách như lễ hội Lồng Tồng (tháng 1 và tháng 9) hội đình Giếng Tanh huyện Yên Sơn ( tháng 10 - tháng 1), hội đình Tân Trào (tháng 4 - tháng 1)... Đây là những điểm có tiềm năng lớn cho du lịch lịch sử, văn hoá mà địa phương cần có kế hoạch khai thác phát triển.

### 3.2.1.2. Du lịch sinh thái gắn với giáo dục môi trường

Khu Di tích lịch sử Tân Trào có thảm thực vật rừng rất phong phú còn giữ nguyên được vẻ đẹp hoang sơ với nhiều loài thực vật quý hiếm, đặc hữu tại khu vực nghiên cứu đã thông kê có 54 loài thực vật quý hiếm có nguy cơ bị tuyệt chủng tại khu vực nghiên cứu:

- Theo Sách đỏ Việt Nam (2007) ghi nhận có 46 loài trong đó có 1 loài ở mức rất nguy cấp (CR) là Trúc vuông (*Chimonobambusa quadrangulais*); 15 loài nguy cấp (EN) như: Cốt toái bồ (*Drynaria fortunei*), Ngũ gia bì gai (*Acanthopanax trifoliatum*), Sồi bản (*Quercus variabilis*)...; 30 loài sắp nguy cấp (VU) như: Tắc kè đá (*Drynaria bonii*), Sa mu (*Cunninghamia lanceolata*), Trám đen (*Canarium tramdendum*)...

- Theo Nghị định 32/2006/NĐ-CP của Chính phủ ghi nhận có 19 loài trong đó có 5 loài thực vật rừng nghiêm cấm khai thác, sử dụng vì mục đích thương mại (IA) như: Kim tuyến đá vôi (*Anoetochilus calcareus*), Tiên hải (*Paphiopedilum hirsutissimum*), Hải tía (*Paphiopedilum purpuratum*)...; 14 loài thực vật rừng hạn chế khai thác, sử dụng vì mục đích thương mại (IIA) như: Hoa tiên (*Asarum glabrum*), Gù hương (*Cinnamomum balansae*), Củ binh vôi (*Stephania rotunda*)...;

- Theo Danh lục đỏ cây thuốc Việt Nam ghi nhận 11 loài trong đó có 8 loài nguy cấp (EN) như: Củ dòm (*Stephania dielsiana*), Ba kích (*Morinda officinalis*),

Thiên niên kiện lá lớn (*Homalonema gigantea*), Trọng lâu nhiều lá (*Paris polyphylla*)...; 3 loài sắp nguy cấp (VU) như: Tắc kè đá (*Drynaria bonii*), Lá khô (*Ardisia silvestris*), Phá lửa (*Tacca subflabellata*).

- Theo Hiệp hội Bảo tồn thiên nhiên quốc tế ghi nhận 3 loài trong đó 1 loài nguy cấp (EN) đó chính là Gù hương (*Cinnamomum balansae*); 2 loài sắp nguy cấp (VU) đó là Trám chim (*Bursera tonkinensis*) và Sến mật (*Madhuca pasquieri*).

Khu Di tích lịch sử Tân Trào có sông, núi, ao hồ, thác nước như: hồ Nà Lừa, thác Lũng Tàu... Du lịch sinh thái gắn với giáo dục môi trường là hướng dẫn khách du lịch thăm cảnh quan thiên nhiên, các khu rừng nguyên sinh có các loại chim, thú, với kết hợp giáo dục ý thức bảo vệ môi trường cho du khách.

### 3.2.1.3. Du lịch học tập, nghiên cứu khoa học

Là hình thức du lịch với mục đích học tập, nghiên cứu tại chỗ là chính; phù hợp với học sinh, sinh viên, học viên, nhà khoa học thuộc các trường học và viện nghiên cứu. Hàng năm có trên 100 trường trong cả nước đến tham quan, học tập, nghiên cứu trong đó số lượng học sinh, sinh viên chiếm khoảng 30% lượng khách hàng năm.

### 3.2.1.3. Du lịch cộng đồng

Đây là một loại hình ưa thích của các bạn trẻ quốc tế yêu thích khám phá văn hóa bản địa. Khu di tích lịch sử Tân Trào là điểm hội tụ sắc thái văn hoá các dân tộc thiểu số của các tỉnh miền núi phía Bắc có các dân tộc: Tày, Dao, Kinh, Nùng, Cao lan, ... sinh sống, trong đó có 4 dân tộc chiếm tỷ lệ ưu thế là: Tày, Dao, Kinh, Nùng. Mỗi dân tộc có những nét văn hóa đặc sắc riêng:

- Người Tày có một nền văn nghệ cổ truyền phong phú, đủ các thể loại thơ, ca, múa, nhạc, tục ngữ, ca dao... chiếm một khối lượng đáng kể. Các điệu dân ca phổ biến nhất là hát then, hát cọi, hát đám cưới, ru con.. và các lễ hội lồng tồng, giã cốm được tổ chức và duy trì hàng năm đã mang đến cho du khách những ấn tượng sâu sắc về nét văn hóa làng quê.

- Người Dao có phong tục tập quán riêng, phong phú tạo nên bản sắc văn hoá độc đáo như lễ cấp sắc, hát Páo dung. Đặc biệt là khả năng sử dụng thuốc nam từ cây rừng của đồng bào Dao.

- Người Nùng có một kho tàng văn hóa dân gian phong phú và có nhiều làn điệu dân ca đậm đà màu sắc dân tộc. Những làn điệu dân ca tổng hợp có lời, có nhạc, có kiểu trang trí, có hình thức biểu diễn đã làm xao xuyến và rạo rức lòng người khi ở xa quê.

- Người Kinh với một số nét văn hóa và lễ hội truyền thống chính như: truyện cổ, ca dao, tục ngữ; có văn học bằng chữ (thơ, văn, sách, bài hịch...). Nghệ

thuật phát triển sớm và đạt trình độ cao về nhiều mặt: ca hát, âm nhạc, điêu khắc, hội họa. Hội làng hàng năm là một dịp sinh hoạt hấp dẫn ở hầu hết các thôn, làng nhất là vào dịp đầu xuân [6], [9].

Đến nay Khu Di tích lịch sử Tân Trào tuy đã có Quy hoạch tổng thể về bảo tồn và phát triển bền vững nhưng những tiềm năng thế mạnh về bảo tồn, về nghiên cứu khoa học – giáo dục môi trường và dịch vụ du lịch chưa được phát huy tương xứng. Mặc dù thăm thực vật có vai trò to lớn trong việc bảo vệ cảnh quan các di tích lịch sử, cũng như đối với sinh kế của người dân và phát triển du lịch. Tuy nhiên các hoạt động của Khu Di tích lịch sử Tân Trào mới tập trung vào công tác bảo vệ rừng và phát triển rừng. Cơ sở vật chất phục vụ bảo vệ và bảo tồn còn hạn chế; các hoạt động về bảo tồn, về nghiên cứu khoa học bảo tồn, về giáo dục môi trường và dịch vụ du lịch hầu như chưa thực hiện; việc phối hợp, hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội cho người dân vùng đệm còn rất hạn chế.

Từ các kết quả nghiên cứu trên đây chính là cơ sở khoa học cho việc đề xuất các giải pháp bảo vệ đa dạng thực vật.

### 3.2.2. Đề xuất các giải pháp bảo vệ đa dạng thực vật.

#### 3.2.2.1. Giải pháp về chính sách, tổ chức quản lý

- Các cấp uỷ chính quyền địa phương tỉnh Tuyên Quang phải luôn quan tâm chỉ đạo các ngành, các cấp thực hiện tốt công tác quản lý bảo vệ rừng;

- Hạt Kiểm lâm các huyện thường xuyên chỉ đạo các Trạm Kiểm lâm tuần tra kiểm soát bảo vệ rừng, giám sát các hộ nhận giao khoán bảo vệ rừng, khoanh nuôi phục hồi rừng, trồng rừng đạt hiệu quả tốt. Các vụ vi phạm Luật bảo vệ và phát triển rừng như: khai thác gỗ, săn bắt động vật, lấn đất rừng làm nương rẫy trái phép... đã được phát hiện xử lý kịp thời.

- Hạt Kiểm lâm các huyện chủ động phối hợp Ủy ban nhân dân các xã, các trường học của huyện Sơn Dương và Yên Sơn tổ chức tuyên truyền về công tác bảo vệ rừng và môi trường cho các hộ dân ở gần rừng; xây dựng phương án phòng cháy chữa cháy rừng cấp xã; thực hiện ký cam kết bảo vệ rừng và phòng cháy chữa cháy rừng đến thôn, bản, hộ gia đình và học sinh trường trung học trong vùng đã góp phần nâng cao ý thức chấp hành Luật Bảo vệ và phát triển rừng trong nhân dân.

#### 3.2.2.2. Giải pháp về kinh tế, xã hội

- Hỗ trợ phát triển kinh tế, xã hội vùng đệm thông qua các chương trình, dự án về phát triển kết cấu hạ tầng nông thôn, xây dựng mô hình trình diễn về lĩnh vực nông

lâm nghiệp, khuyến nông khuyến lâm, bảo tồn ngành nghề truyền thống, phát triển nguồn nhân lực...

- Nghiên cứu và chuyển giao các giải pháp nâng cao năng suất cây trồng vật nuôi, năng suất lao động cho các hộ trong vùng.

- Ứng dụng có hiệu quả khoa học công nghệ mới, nâng cao hiệu quả đầu tư các công trình phát triển kinh tế - xã hội trọng điểm. Tránh đầu tư dàn trải, kém hiệu quả.

- Nghiên cứu phát triển các ngành nghề mới, tập trung vào chế biến nông lâm sản và sản xuất hàng hoá công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp xuất khẩu.

- Thực hiện đầu tư vốn ngân sách hỗ trợ cho các hộ gia đình ở vùng đệm khu bảo tồn trồng rừng sản xuất theo chính sách Nhà nước ban hành và các quyết định hỗ trợ đầu tư của tỉnh Tuyên Quang.

#### 3.2.2.3. Giải pháp về khoa học công nghệ

- Đối với trồng rừng phòng hộ, đặc dụng: thực hiện trồng rừng phòng hộ trên diện tích đất trống trảng cỏ, cây bụi. Hiện nay, các dự án cơ sở của tỉnh Tuyên Quang thực hiện phương thức trồng rừng phòng hộ thuần loại trên cơ sở đất nào cây ấy; loài cây trồng ưu tiên lựa chọn các loài cây bản địa sống lâu năm như: lim, lát hoa, mỡ, ... Những diện tích đất xấu không phù hợp với các loài cây trên có thể trồng bằng các loài cây nhập nội mọc nhanh như: keo tai tượng, keo lai, ... Các dự án cơ sở thực hiện nghiêm biện pháp kỹ thuật trồng chăm sóc, bảo vệ rừng trồng theo hướng dẫn kỹ thuật trồng rừng theo từng loài cây của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Tuyên Quang và Quy trình kỹ thuật trồng rừng của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Trồng, chăm sóc rừng sản xuất: Thực hiện trồng rừng sản xuất trên đất trống chưa có rừng được quy hoạch là rừng sản xuất. Các đơn vị, hộ gia đình, cá nhân trồng rừng sản xuất (trồng rừng kinh tế) thâm canh thuần loại bằng các loài cây bản địa: Lát Hoa, mỡ, xoan, tre, luồng..., các loài cây nhập nội: keo tai tượng, keo lá tràm, keo lai theo quy hoạch vùng nguyên liệu của các cơ sở chế biến lâm sản. Các đơn vị, hộ gia đình cá nhân thực hiện đúng biện pháp kỹ thuật trồng chăm sóc, bảo vệ rừng trồng

#### 3.2.2.4. Giải pháp lâm sinh xúc tiến tái sinh tự nhiên, khoanh nuôi phục hồi rừng.

- Phối hợp với các tổ chức, các nhà khoa học trong nước và nước ngoài thực hiện các dự án nghiên cứu phục hồi sinh thái, đặc biệt là hệ sinh thái rừng. Ưu tiên thực hiện các dự án, chương trình phục hồi rừng tại phân khu phục hồi sinh thái, tại các địa điểm phục vụ

phát triển du lịch. Nghiên cứu phục hồi các loài thực vật quý hiếm, đặc hữu và các loài có giá trị kinh tế, khoa học cao.

+ *Đối với bảo vệ rừng*: lập hồ sơ quản lý bảo vệ rừng, tăng cường tuyên truyền, giáo dục ý thức bảo vệ rừng cho nhân dân; thường xuyên tuần tra ngăn chặn kịp thời các hoạt động xâm hại rừng như: phát rừng làm nương rẫy, chặt tía, đốn cây làm cảnh, cưa hoặc chặt, ken vỏ làm cho cây chết; đặc biệt chú trọng ngăn chặn lửa rừng như đốt nương làm rẫy khu vực gần rừng vào mùa khô....

+ *Đối với khoanh nuôi phục hồi rừng*: khoanh nuôi phục hồi rừng tự nhiên áp dụng đối với gồm những diện tích đất trống thuộc quy hoạch rừng phòng hộ, đặc dụng có cây gỗ tái sinh. Sau khi lập hồ sơ thiết kế khoanh nuôi phục hồi rừng tự nhiên, tổ chức giao khoán khoanh nuôi cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân. Thường xuyên kiểm tra, phát hiện, ngăn ngừa các hành động xâm hại đến thảm thực vật rừng. Thực hiện tốt các biện pháp phòng cháy, chữa cháy rừng và phòng trừ sâu bệnh hại. Thông qua các biện pháp kỹ thuật lâm sinh như trên, sau 5 đến 10 năm sẽ tạo được những khu rừng tự nhiên hỗn loài, vừa bảo tồn đa dạng sinh học, vừa có tác dụng phòng hộ đầu nguồn.

+ *Công tác quản lý giống cây trồng lâm nghiệp*: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (trực tiếp là Chi cục Lâm nghiệp) luôn phối hợp chặt chẽ với UBND các cấp quản lý tốt nguồn giống trồng rừng (phòng hộ, đặc dụng và sản xuất). Các cơ sở sản xuất giống trên địa bàn tỉnh sản xuất, cung ứng đủ cây giống đạt tiêu chuẩn kỹ thuật có nguồn gốc giống tốt phục vụ kế hoạch trồng rừng hàng năm của tỉnh Tuyên Quang.

### 3.2.2.5. Giải pháp khai thác, sử dụng hợp lý tài nguyên thực vật

Căn cứ Thông tư số 02/VBHN-BNNPTNT ngày 09/01/2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành “Hướng dẫn thực hiện một số điều của quy chế quản lý rừng ban hành kèm theo quyết định số 186/2006/QĐ-TTg ngày 14/8/2006 của Thủ tướng Chính phủ. Chúng tôi đưa ra một số giải pháp khai thác, sử dụng các loại rừng như sau:

- Rừng đặc dụng: đối với thảm cây bụi trên núi đá thực hiện bảo vệ nghiêm ngặt cấm mọi hành vi chặt phá. Đối với các loại rừng tự nhiên và rừng trồng, tùy thuộc vào từng loại rừng chủ rừng có quyền khai thác, sử dụng, sau khi khai thác phải tiến hành trồng lại. Ngoài ra, chủ rừng được tổ chức các hoạt động nghiên cứu khoa học, du lịch sinh thái trong rừng. Đối với đất trồng cây gỗ rải rác (trạng thái IC) áp dụng biện pháp trồng dặm. Loài cây trồng là cây gỗ bản địa, có khả năng cho sản phẩm phụ hoa, quả, nhựa như: trám, sấu,

dẻ, quế,... Đối với đất trồng cây bụi và đất trồng cỏ áp dụng phương thức trồng rừng hỗn giao giữa cây bản địa với cây gỗ mọc nhanh. Trồng theo phương thức thâm canh, các loài cây có thể trồng là dẻ, trám, tai chua, nhọc, sấu, sui, bạch đàn, keo...

- Khai thác rừng phòng hộ: đối với rừng tự nhiên được khai thác tận thu, tận dụng gỗ và lâm sản ngoài gỗ (trừ các loại gỗ quý hiếm) nhưng vẫn phải đảm bảo độ tàn che của rừng sau khai thác. Đối với rừng trồng, khi rừng khép tán được phép khai thác cây phụ trợ nhưng phải đảm bảo cây trồng chính còn lại và độ tàn che sau khi khai thác. Chủ rừng được tổ chức các hoạt động du lịch, nghiên cứu khoa học. Được trồng xen cây dược liệu dưới tán rừng phòng hộ và được sử dụng 30 % diện tích đất trống không có rừng để sản xuất nông nghiệp, ưu tiên cây lâu năm, có tán lá rộng, xanh quanh năm.

- Khai thác rừng sản xuất: Chủ rừng là tổ chức được sản xuất nông nghiệp, ngư nghiệp kết hợp trên diện tích rừng và đất trồng rừng. Chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn được sử dụng không quá 30% diện tích đất không có rừng là đất rừng sản xuất để sản xuất nông nghiệp, ngư nghiệp kết hợp; được trồng xen cây nông nghiệp dưới tán rừng nhưng không làm ảnh hưởng tới mục đích sử dụng chính của rừng. Chủ rừng được tổ chức kinh doanh dịch vụ du lịch trong rừng hoặc nghiên cứu khoa học nhưng không được làm thay đổi mục đích sử dụng rừng.

### 3.2.2.6. Giải pháp bảo tồn đa dạng thực vật

- Phối hợp với các tổ chức, các nhà khoa học và viện nghiên cứu có liên quan xây dựng và thực hiện các chương trình, dự án khoa học công nghệ.

- Tổ chức thực hiện điều tra, đánh giá về tài nguyên, đặc biệt là hệ sinh thái, cảnh quan thiên nhiên, đa dạng sinh học và các loài quý hiếm, đặc hữu v.v...

- Đẩy mạnh tiến độ xây dựng, đưa Trung tâm Nghiên cứu - Giáo dục môi trường và Du lịch vào hoạt động nhằm thực hiện tốt công tác bảo tồn của Khu Di tích lịch sử Tân Trào.

- Xây dựng Vườn sưu tập thực vật trở thành nơi bảo tồn và nghiên cứu phát triển các loài thực vật quý hiếm, đặc hữu và có giá trị cao.

- Thực hiện các chương trình, dự án nghiên cứu về bảo tồn nói chung, trong đó ưu tiên các loài đặc hữu, quý hiếm v.v....

- Ứng dụng khoa học công nghệ trong công tác nghiên cứu và bảo tồn đa dạng sinh học.

- Hợp tác quốc tế và liên doanh, liên kết phát triển bảo tồn đa dạng sinh học.

### 3.2.2.7. Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực và phát triển cộng đồng

- Nâng cao trình độ cho cán bộ Ban quản lý Khu Di tích lịch sử Tân Trào, phối hợp với các trường đại học, các viện nghiên cứu liên quan để tổ chức đào tạo, tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

+ Nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ về quản lý, bảo vệ rừng, trồng rừng và tái sinh rừng tự nhiên;

+ Nâng cao trình độ nghiên cứu khoa học và điều tra cơ bản về bảo tồn và phát triển bền vững, đặc biệt đối với loài quý hiếm, đặc hữu;

+ Nâng cao khả năng quản lý, điều hành và giám sát công tác đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, các chương trình dự án trọng điểm v.v...;

+ Nâng cao trình độ nghiệp vụ và khả năng thực hiện công tác giáo dục tuyên truyền bảo tồn và bảo vệ môi trường tích cực;

+ Nâng cao trình độ và kỹ năng đối với cán bộ điều hành, đặc biệt là đội ngũ nhân viên làm công tác dịch vụ, du lịch sinh thái.

- Nâng cao trình độ khoa học kỹ thuật cho cộng đồng:

+ Tăng cường tập huấn khoa học kỹ thuật cho cán bộ khuyến nông, khuyến lâm và cán bộ cơ sở để nâng cao trình độ quản lý, khoa học kỹ thuật trong công tác bảo vệ rừng, phục hồi rừng, phát triển rừng và sản xuất nông nghiệp để triển khai tập huấn kỹ thuật cho người dân.

+ Đẩy mạnh công tác tập huấn cho người dân về quy trình kỹ thuật thâm canh các loại cây trồng vật nuôi kết hợp xây dựng các mô hình trình diễn và tổ chức hội nghị đầu bờ cho nông dân; tập huấn về kỹ thuật phòng trừ sâu bệnh đối với cây trồng và phòng trừ dịch bệnh đối với đàn gia súc gia cầm và nuôi trồng thủy sản.

### 3.2.2.8. Giải pháp liên kết vùng và hợp tác quốc tế

- Liên kết vùng:

+ Ban quản lý Khu di tích lịch sử Tân Trào chủ động đề xuất với Chi cục Kiểm lâm báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp UBND huyện Sơn Dương, Yên Sơn cùng UBND các huyện Đại Từ, Định Hóa của tỉnh Thái Nguyên, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Thái Nguyên xây dựng chương trình phối hợp trong công tác quản lý bảo vệ rừng các xã vùng giáp ranh giữa hai huyện, hai tỉnh.

+ Các đơn vị của hai tỉnh Thái Nguyên và Tuyên Quang thường xuyên trao đổi thông tin, tạo điều kiện giúp nhau cùng thực hiện tốt nhiệm vụ bảo vệ rừng (đặc biệt là khu vực các xã vùng giáp ranh giữa hai tỉnh).

+ Định kỳ hàng năm phối hợp tổ chức hội nghị kiểm điểm công tác phối hợp bảo vệ rừng vùng giáp ranh; thành phần gồm: Lãnh đạo và các ngành cấp tỉnh; lãnh đạo và các ngành cấp huyện; lãnh đạo và cán bộ cấp xã (các xã giáp ranh giữa hai tỉnh).

+ Ban quản lý Khu di tích lịch sử Tân Trào chủ động liên kết với các Khu rừng đặc dụng trong khu vực và Vườn quốc gia Tam Đảo để trao đổi thông tin, tham quan học tập kinh nghiệm trong việc thực hiện các hoạt động bảo tồn, bảo vệ và phát triển rừng đặc dụng.

- Hợp tác quốc tế:

+ Phối hợp với các tổ chức quốc tế, các tổ chức phi chính phủ, các trường đại học, các viện nghiên cứu có liên quan xây dựng và thực hiện chương trình, dự án khoa học và công nghệ.

+ Tổ chức các đợt thăm quan học tập trong và ngoài nước cho cán bộ làm công tác quản lý và cán bộ chuyên môn.

+ Đào tạo đội ngũ cán bộ làm công tác bảo tồn và hợp tác quốc tế có đủ năng lực và chuyên môn sâu, có trình độ ngoại ngữ để tham mưu giúp việc cho Ban quản lý KBVCQ Tân Trào thực hiện tốt hơn trong công tác hợp tác quốc tế.

+ Tra cứu và khai thác các nguồn đầu tư của các tổ chức quốc tế, các tổ chức phi chính phủ tạo nguồn đầu tư để bảo tồn và phát triển.

### Kết luận

Bài báo công bố kết quả nghiên cứu bước đầu về vai trò của thực vật tại Khu Di tích lịch sử Tân Trào đã nêu ra được 3 vai trò của thực vật trong việc bảo vệ cảnh quan; vai trò của thực vật đối với sinh kế của người dân; vai trò của thực vật đối với phát triển du lịch. Bài báo đưa ra 8 nhóm giải pháp bảo vệ đa dạng thực vật tại khu di tích lịch sử Tân Trào.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đỗ Công Ba, Lê Ngọc Công, Lê Đồng Tấn (2017), *Một số kết quả nghiên cứu về hiện trạng thảm thực vật ở khu di tích lịch sử Tân Trào, tỉnh Tuyên Quang*, Nxb Tạp chí khoa học ĐHQGHN, Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, tập 33, số IS (2017) 14-21.
2. Đỗ Công Ba, Lê Ngọc Công, Lê Đồng Tấn (2018), *Đa dạng thực vật bậc cao có mạch tại khu di tích lịch sử Tân Trào, tỉnh Tuyên Quang*, Nxb Tạp chí khoa học ĐHQGHN, Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, tập 34, số 4 (2018) 1-3.
3. Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (2000), *Tên cây rừng Việt Nam*, Nxb Nông nghiệp, Hà Nội.



4. Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2006), *Nghị định 32/2006/NĐ-CP về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý hiếm*.
5. Hoàng Chung (2008). Các phương pháp nghiên cứu quần xã thực vật, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
6. Phan Hữu Dật (2014), *Một số vấn đề về dân tộc học Việt Nam*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.
7. Phạm Hoàng Hộ, *Cây cỏ Việt Nam*, tập 1,2,3, Montreal, 1991, 1992, 1993.
8. Trần Đình Lý (1993), *1900 loài cây có ích ở Việt Nam*, Nxb Thế giới.
9. Phan Ngọc (2004), *Bản sắc văn hóa Việt Nam*, Nxb Văn Học.
10. Trung tâm Khoa học Tự nhiên và Công nghệ Quốc gia (2005), *Danh lục các loài thực vật Việt Nam*, Nxb Nông nghiệp, Hà Nội.
11. Nguyễn Nghĩa Thìn (2008), *Các phương pháp nghiên cứu thực vật*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.
12. Quyết định số 548/QĐ-TTg ngày 10/05/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc xếp hạng di tích quốc gia đặc biệt.
13. Quyết định số 2073/QĐ-TTg ngày 22/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển khu du lịch quốc gia Tân Trào, tỉnh Tuyên Quang đến năm 2030.
14. Raunkiear C (1934), *Plant life forms*, Claredon, Oxford, 104.

## The role of plants in the Tan Trao historic areas of, Tuyen Quang province and solutions for diversity protection of plants

Do Cong Ba, Chu Thi My Nga

---

### Article info

*Received:*  
23/8/2018  
*Accepted:*  
10/6/2019

*Keywords:*  
Diversity; solutions;  
historic areas; Tuyen  
Quang province.

---

### Abstract

This article presents the results of the initial research on the role of plants in the Tan Trao historic areas: The role of plants in landscape protection; The role of plants in the livelihood of the people; The role of plants in tourism development. The article also provides a scientific basis for proposing solutions for plant variety protection and offers 08 plant variety protection solutions, including: Solutions on policies, organizing management; Solutions on economy and society; Solutions on science and technology; Silvicultural solutions to promote natural regeneration, zoning for forest restoration; Solutions to exploit and use rational plant resources; Solutions to conserve plant diversity; Solutions for human resource development and community development; Solutions on regional integration and international cooperation.

---